

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mai

2. Ông Nguyễn Văn Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1991;

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Trịnh Đình H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Anh M, chị H, bà C, ông H có mặt; bà T, ông M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2021, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị H đăng ký kết hôn ngày 02/3/2017 tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C (nay thành phố C) trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh M tại khu dân cư K, phường C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Sau đó, phát sinh mâu thuẫn, do con nhỏ, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng lại hay bất đồng quan điểm dẫn đến thường hay xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Chị H nhiều lần đưa con về bên ngoại ở. Tháng 3/2020, vợ chồng chính thức sống ly thân. Chị H về nhà bố mẹ đẻ và chặn số điện thoại không liên lạc với anh. Nay anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/10/2017 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 07/12/2019. Hiện tại, cháu B đang ở với anh, thỉnh thoảng anh vẫn để chị H đón cháu B về bên ông bà ngoại, còn cháu P đang ở với chị H. Khi ly hôn anh đề nghị giao cháu B cho anh tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu P cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Lý do anh đề nghị được nuôi cháu B, giao chị H nuôi cháu P vì: Hiện tại, anh đang làm sửa chữa điện lạnh, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ. Cháu B đang ở cùng với anh và bố mẹ đẻ anh. Bố mẹ anh cũng tạo điều kiện về chỗ ở cũng như thời gian, công sức để hỗ trợ cùng với anh chăm sóc tốt nhất cho cháu B. Anh không nhất trí ý kiến của chị H được nuôi 02 con vì: chị H đi làm công ty, vẫn ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, không đủ khả năng để chăm sóc tốt cho 02 con. Thời gian vợ chồng nhờ bố mẹ chị H trông con để đi làm thì chi phí học hành của cháu B vẫn là do anh chi trả, ông bà ngoại chỉ đóng tiền hộ. Khi chị H sinh con thì một mình anh đi làm cang đáng nuôi gia đình, còn chị H không làm gì. Sau khi con lớn thì chị H mới đi làm. Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 24/7/2021 và ý kiến tại các buổi làm việc, chị H trình bày thống nhất nội dung về thời gian, điều kiện kết hôn như lời khai của anh M. Chị xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Sau khi chị sinh con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xảy ra bất đồng, cãi vã, xô xát. Chị nhiều lần đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng sau đó do gia đình hòa giải, động viên nên vợ chồng lại về chung sống cùng nhau. Sau đó, do vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, không nói chuyện, chia

sẽ tình cảm được với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến khoảng tháng 4/2020, chị tiếp tục bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể về đoàn tụ được, do vậy, chị đề nghị được ly hôn anh M. Về con chung: chị xác định vợ chồng có 02 con chung như anh M trình bày. Hiện tại cháu P đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng; cháu B do anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Lý do chị đề nghị được nuôi cả 02 con vì: Các cháu còn nhỏ ở với mẹ sẽ tốt cho các cháu hơn. Hiện tại, chị làm công ty, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đ/tháng. Chị ở với bố mẹ đẻ, nhà cửa rộng rãi, bố mẹ chị cũng tạo điều kiện tốt nhất nếu chị được nuôi 02 con. Theo chị H, chị hoàn toàn có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho cả 02 con. Chị cho rằng anh M thường hay đánh chị nên nếu giao con cho anh M sẽ ảnh hưởng tâm lý của các cháu. Thời gian khoảng tháng 3/2021, khi anh M nuôi cháu B, chị có đến và mong muốn đón cháu B về chơi nhưng gia đình anh M chỉ cho thăm, không cho đón. Anh M còn đánh chị khi chị muốn thăm con, chị đã báo công an phường Chí Minh để giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Trịnh Đình H và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ chị H trình bày xác định: Cuối năm 2017, sau khi chị H sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay xảy ra cãi vã, xô xát. Chị H nhiều lần bế con về nhà ông bà ở. Sau đó, vợ chồng lại về đoàn tụ. Từ tháng 4/2020, chị H chuyển về ở hẳn tại nhà ông bà. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Việc anh M, chị H chung sống với nhau như thế nào thì ông, bà không rõ. Nhưng nhiều lần chị H gọi điện nói với ông bà về việc anh M ghen gắt, đánh đuổi chị H. Trong cuộc sống, anh M cũng thường có lời lẽ không đúng mực với gia đình ông bà. Nay anh M xin ly hôn chị H, quan điểm của ông bà là việc ly hôn do vợ chồng chị H, anh M tự quyết định. Về con chung: Quan điểm của ông bà là nên giao cả 02 con Nguyễn Gia B và Nguyễn Gia P cho chị H nuôi vì các cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Theo ông bà nên để 02 cháu cho một người chăm sóc để anh em được lớn lên cùng nhau có sự gắn bó với nhau. Ông bà sẽ tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ăn, ở cũng như phụ giúp chị H chăm sóc tốt cho các cháu. Theo ông bà không nên giao con cho anh M nuôi vì anh M không có việc làm ổn định, không có kỹ năng chăm con nên việc nuôi con sẽ không đảm bảo.

- Ông Nguyễn Văn M là bố đẻ anh M trình bày xác định: Quá trình chung sống chị H và anh M vui vẻ không có vấn đề gì. Chỉ khoảng tháng 4/2020 thì vợ chồng có mâu thuẫn trong việc chăm sóc cho con. Chị H có chửi anh M. Khi ông lên thì chị H có nói là bị anh M tát 1 cái. Hôm sau chị H đưa con về ngoại ở. Ông bà

nhiều lần vào chơi, động viên chị H về đoàn tụ với anh M. Đầu năm 2021, chị H mới chịu quay về nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau. Được khoảng 15 ngày thì chị H lại bỏ về về bên ngoại ở. Nay ông thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nên quan điểm của ông là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh M ly hôn. Về con chung: Quan điểm của ông nên giao cho anh M, chị H mỗi người nuôi 01 con chung. Anh M đang nuôi cháu B nên theo ông nên giao cháu B cho anh M được tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu P cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông và gia đình sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ở cũng như các điều kiện khác để anh M nuôi con được tốt nhất. Hiện tôi đang nghỉ hưu, ở nhà, nhiều thời gian rảnh rỗi, gia đình ông sẽ hỗ trợ anh M trong việc trông nom chăm sóc cháu B khi anh M đi làm. Theo ông, chị H đi làm từ sáng đến tối muộn mới về nhà; ông bà ngoại cũng không đủ điều kiện để hỗ trợ chị H nuôi cả hai cháu được. Do vậy, theo ông nên giao mỗi người nuôi 01 con mới đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu. Thời điểm khoảng tháng 3/2021, khi chị H đến đón con, đã có lời nói không đúng mực nên gia đình ông mới không cho chị H đón con. Còn hiện tại, gia đình ông vẫn để chị H thỉnh thoảng đón con về ông, bà ngoại chơi.

- Tại biên bản xác minh ngày 13/8/2021, trưởng khu dân cư K, phường C xác định: Quá trình mâu thuẫn giữa anh M và chị H địa phương không nắm được. Chỉ xác định được khoảng cuối năm 2020, đầu năm 2021, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở tại phường H và không ở cùng với anh M.

- Tại biên bản xác minh ngày 10/9/2021, Công an phường C cung cấp: Khoảng tháng 3/2021, chị H có đi cùng một người đàn ông đến trụ sở Công an phường C trình báo sự việc mâu thuẫn của vợ chồng về việc chị H đến thăm con. Công an phường đã hướng dẫn chị H về trình báo tại tổ hòa giải của khu dân cư và mời chị H về. Sau đó, không thấy chị H đến trình báo nữa.

- Quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Vũ Thị C có cung cấp 01 biên bản xác minh giữa bà C với bà Nguyễn Thị Ngân xác định: Năm học 2020 - 2021, thời gian cháu B học tại trường mầm non H thì chị H và ông bà ngoại là người trực tiếp đưa đón cháu B đi học và đóng góp các khoản học phí cho cháu tại trường.

Tại phiên toà:

Anh M, chị H giữ nguyên quan điểm như trình bày nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện giao 02 con cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng vì: các con chung còn nhỏ ở với mẹ sẽ tốt hơn ở với bố; hơn nữa, nên để 02 cháu ở cùng với nhau để tạo sự gắn bó tình cảm giữa 02 anh em.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Trịnh Thị H. Về con chung: Xử: Giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/10/2017 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác; Giao con chung và Nguyễn Gia P, sinh ngày 07/12/2019 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh M, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Anh M, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh M, chị H thực hiện quyền này. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải nộp 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; chị Trịnh Thị H phải nộp 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trịnh Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nơi ở hiện nay: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương). Anh Nguyễn Văn M khởi kiện xin ly hôn chị Trịnh Thị H và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung. Do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị H kết hôn với nhau ngày 02/3/2017 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C. Do vậy, hôn nhân của anh M, chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do con còn nhỏ, kinh tế khó khăn, vợ chồng thường hay bất đồng trong cuộc sống cũng như cách ứng xử trong gia đình, dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, xô xát. Từ tháng

3/2020 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở khu dân cư Đ, phường H ở. Sau khi được hai bên gia đình hòa giải động viên, chị H có quay về ở với anh M nhưng vợ chồng không nói chuyện được với nhau, sau đó, chị H tiếp tục bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau từ đầu năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị Anh M, chị H không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, cũng không sống chung với nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, anh M và chị H đều thống nhất xác định vợ chồng không thể về đoàn tụ và đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh M và chị H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/10/2017 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 07/12/2019. Hiện tại, cháu B đang do anh M trực tiếp nuôi dưỡng, cháu P do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có nguyện vọng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, anh M đề nghị được nuôi dưỡng con lớn là Nguyễn Gia B. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị H và anh M thấy rằng: Chị H và anh M hiện tại đều có việc làm, thu nhập và có sự hỗ trợ của gia đình về chỗ ở, có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, chị H đang làm công nhân công ty, anh Bảo làm thợ sửa chữa điều hòa, thời gian đi làm, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con đều phụ thuộc vào sự hỗ trợ của ông bà nội, ngoại. Do vậy, việc giao cả 02 con cho một bên nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo điều kiện tốt nhất cho 02 cháu. Hiện tại, cháu B ở với anh M vẫn được anh M và ông bà nội chăm sóc tốt. Cháu P hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi và vẫn đang do chị H nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Do vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Nguyễn Gia B cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Gia P cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung. Anh M, chị H đều không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Anh M, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Anh M, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh M, chị H thực hiện quyền này.

[4] Về quan hệ tài sản: Anh M, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Trước khi mở phiên tòa anh M, chị H thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 25% mức án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại

khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Trịnh Thị H.

2. Về con chung: Xử: Giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 28/10/2017 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Nguyễn Gia P, sinh ngày 07/12/2019 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh M, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Anh M, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh M, chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải nộp 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà anh M đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0002949 ngày 15/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Trả lại anh M 225.000đ.

Chị Trịnh Thị H phải nộp 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường C (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang